

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA KHI HƯỚNG DẪN QUY CHẾ TÀI CHÍNH CÔNG TY NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ VÀO DN KHÁC

Quy chế tài chính công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào DN khác (QCTC) ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009 ND-CP ngày 05/2/2009 của Chính phủ có nhiều điểm mới so với QCTC ban hành kèm theo Nghị định số 199/2004-ND-CP. Hai trong những điểm mới là thẩm quyền quyết định trong việc huy động vốn và việc đầu tư vốn ra ngoài DN hướng dẫn những điểm mới để phát huy được tính chủ động của DN đồng thời đảm bảo sự giám sát của đại diện chủ sở hữu đối với hoạt động của DN là việc không dễ dàng.

Vấn đề huy động vốn của công ty nhà nước

Xung quanh việc hướng dẫn vấn đề huy động vốn của công ty nhà nước có một số vấn đề đặt ra:

Thứ nhất: Tại khoản 2 điều 9, QCTC lấy hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu làm căn cứ để phân cấp thẩm quyền quyết định việc huy động vốn. Trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không quá 3 lần thì công ty nhà nước được chủ động huy động vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Vấn đề đặt ra là hệ số này tính tại thời điểm nào? Trong hệ số trên, đại lượng vốn chủ sở hữu hiện tương đối ổn định còn đại lượng nợ phải trả ở mỗi thời điểm có thể khác nhau. Thời điểm đầu năm, đầu quý, thời điểm lập dự án, phương án huy động vốn, thời điểm ký hợp đồng. Nếu không xác định rõ thời điểm thì DN rất bị động mà việc giám sát của chủ sở hữu cũng khó khăn. Ví dụ tại thời điểm lập dự án, dự án huy động vốn hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu chưa quá ba lần nhưng đến khi ký hợp đồng hệ số này đã vượt quá ba lần thì giải quyết thế nào và ngược lại.

Thứ hai: Trong khoản 2 điều 9 có 3 khái niệm được sử dụng là "phương án huy động vốn", "hợp đồng vay vốn", "dự án huy động vốn". Theo từ điển tiếng Việt thì 3 khái niệm này hoàn toàn khác nhau. Nếu theo đúng khái niệm thì việc phân cấp rất phức tạp vì mỗi công đoạn (lập phương án, dự án, ký hợp đồng) có sự phân cấp khác nhau. Còn nếu đồng nhất 3 khái niệm này còn có sự giải thích và

Nguyễn Đức Tăng



nên lấy một khái niệm làm chuẩn thì mới tránh cho DN khỏi khó khăn hơn khi thực hiện.

Thứ ba: Trong QCTC quy định DN được chủ động huy động vốn trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không vượt quá 3 lần hệ số trên do ai quyết định thì trong QCTC không quy định. Tại điểm b, khoản 2, điều 9 quy định "công ty có nhu cầu vay vốn vượt quá 3 lần vốn điều lệ phải báo cáo đại diện chủ sở hữu xem xét quyết định trên cơ sở các dự án huy động vốn hiệu quả". Quy định "hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không quá 3 lần" với quy định "vay vốn vượt quá 3 lần vốn điều lệ" hoàn toàn khác nhau. "Nợ phải trả" bao gồm vốn vay và thông thường là lớn hơn vốn vay. Vốn chủ sở hữu không đồng nhất với vốn điều lệ cả

về khái niệm và về hướng. Theo quy định của điểm b, khoản 2, điều 9 có thể hiểu là khi công ty có nhu cầu vay vốn nhỏ hơn 3 lần vốn điều lệ thì công ty được quyền tự quyết định. Thế nhưng, tuy nhỏ hơn 3 lần vốn điều lệ nhưng lại lớn hơn 3 lần hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thì việc quyết định của công ty có vi phạm quy định không. Trường hợp nhu cầu vay vốn vượt quá 3 lần vốn điều lệ thì đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương cho công ty được vay hay quyết định từng dự án một, lấy mức dư nợ vay, dư nợ phải trả để khống chế hay lấy mức vay của từng dự án để xác định việc phân cấp. Những vấn đề này cần làm rõ trong văn bản hướng dẫn.

Vấn đề đầu tư ra ngoài công ty nhà nước

Đầu tư ra ngoài công ty nhà nước được quy định tại điều 12 QCTC. Những vấn đề đặt ra khi hướng dẫn điều này là:

Thứ nhất là ngành nghề kinh doanh chính của công ty nhà nước. Hiện nay, hầu như các quyết định thành lập và điều lệ của công ty nhà nước đều chỉ quy định ngành nghề kinh doanh của công ty, không có quy định ngành nghề kinh doanh chính. Vì vậy, đại diện chủ sở hữu (người quyết định thành lập công ty nhà nước) phải xác định rõ đâu là ngành nghề kinh doanh chính của công ty. Những DN mà công ty nhà nước đầu tư vốn vào thường cùng kinh doanh đa ngành và cũng không có quy định ngành nghề kinh doanh chính. Vậy làm thế nào để xác định được DN đó hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chung của công ty nhà nước? Nếu chỉ căn cứ vào ngành nghề kinh doanh mà DN này đăng ký để xác định DN thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty nhà nước thì quy định "sử dụng tối thiểu 70% tổng nguồn vốn đầu tư vào DN hoạt động trong các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty" thì không có ý nghĩa. Vì DN đăng ký ngành nghề kinh doanh nhưng có khi không kinh doanh hoặc kinh doanh với tỷ trọng doanh thu của DN để xác định DN thuộc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của công ty thì cũng bất cập, bởi tỷ trọng doanh thu từng sản phẩm, ngành nghề kinh doanh của DN thường thay đổi và không phải DN nào cũng thống kê báo cáo rõ doanh thu của từng ngành nghề kinh doanh. Trường hợp doanh thu thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty thay đổi, nắm chiếm tỷ trọng lớn, nắm chiếm tỷ trọng nhỏ thì giải quyết thế nào cũng cần được hướng dẫn cụ thể.

Thứ hai là quy định: "Tổng mức vốn đầu tư ra ngoài công ty nhà nước không vượt quá mức vốn điều lệ của công ty nhà nước". Khái niệm "vốn đầu tư ra ngoài công ty nhà nước" thường được hiểu là vốn do công ty nhà nước đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào pháp nhân khác ngoài công ty. Luật DNNN và QCTC đều cho phép công ty nhà nước được dùng tài sản thuộc quyền quản lý của công ty (bao gồm cả vốn vay và chiếm dụng, để đầu tư ra ngoài công ty. Vì vậy, thực tế, có nhiều công ty có tổng mức vốn đầu tư ra ngoài công ty lớn hơn vốn điều lệ của công ty, nhất là đối với các công ty không có hoạt động kinh doanh mà chỉ có hoạt động đầu tư như công ty mẹ trong tập đoàn dầu khí, tập đoàn công nghiệp cao su. Việc đầu tư ra ngoài công ty đang rất có hiệu quả, vậy có bắt buộc phải rút vốn đầu tư ra ngoài DN xuống bằng mức vốn điều lệ hay không? Trường hợp không rút vốn thì ai có thẩm quyền quyết định.

Thứ ba là trong khoản 6 điều 12 quy định "Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan đại diện chủ sở hữu kiểm tra và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chuyển vốn các tập đoàn, tổng công ty đã đầu tư ra ngoài về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước". Cần hiểu "tập đoàn, tổng công ty đầu tư đưa ra ngoài" là thế nào? Vì tập đoàn, tổng công ty (trừ tổng công ty do nhà nước đầu tư và quyết định thành lập chưa chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ- công ty con), không có tư cách pháp nhân nên không thể có hoạt động đầu tư được. Nếu hiểu tập đoàn, tổng công ty là công ty mẹ trong tập đoàn, tổng công ty thì quy định trên rất bất cập. Vì, nếu tất cả các khoản đầu tư ra ngoài của công ty mẹ đều chuyển về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước thì sẽ không còn có Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Công nghiệp Cao su và sẽ không còn cả công ty mẹ nữa. Điều đó liệu có hợp lý và có khả thi?

Trên đây là hai trong những điểm mới của QCTC cần được hướng dẫn rõ, cụ thể. Nếu không DN rất khó thực hiện, không phát huy được tính chủ động, sáng tạo của DN. Đồng thời dễ đưa người quản lý, điều hành DN vào thế phạm chế độ. Và việc kiểm tra giám sát của đại diện chủ sở hữu cũng có nhiều khó khăn ■